TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ – ST
Ngày 06 – 4 – 2021
V/v"Ly hôn giữa ông L1 với bà Ng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn M.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng T và ông Nguyễn Văn K.
Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Q – Kiểm sát viên.
Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Ông Khúc Chí L1, sinh năm 1970, có mặt.
Sinh quán: Thôn XĐ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn XĐ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Chị Khúc Thị N, sinh năm 1996, là con ông L1 bà Ng.
Anh Khúc Chí L2, sinh năm 1999, là con ông L1 bà Ng.
Ông Nguyễn Văn T.
Ông Khúc Chí H.
Ông Khúc Ngọc A.
Đều có địa chỉ: Thôn XĐ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Khúc Chí L1 trình bày: Ông kết hôn với bà Ng năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thương yêu nhau, trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2008 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, ông phải vay mượn, đi làm

ăn ở nơi khác. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng ly thân, thỉnh thoảng ông có về nhưng chỉ thăm bố mẹ, vợ chồng không đoàn tụ. Năm 2019 ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn, nhưng sau đó ông rút đơn về đoàn tụ, lo việc cưới cho con gái thì bà Ng coi thường ông, không cho ông có ý kiến, lo công việc gì cho con, nên vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay ông xác dịnh không còn tình cảm vợ chồng, ông đề nghị Toà án cho ông ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là chị Khúc Thị N, sinh năm 1996, anh Khúc Chí L2, sinh năm 1999. Hiện nay anh chị đều đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Ông L1 không có yêu cầu gì về tài sản chung, về nợ vợ chồng không còn nợ ai, ông tự nguyện đề nghị Tòa án không đặt ra giải quyết các vấn đề này.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc và các tài liệu khác, bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà kết hôn với ông Khúc Chí L1 năm 1993 trên cơ sở tự nguyện và có hai con chung, từ năm 2008 mặc dù không có mâu thuẫn gì, nhưng ông L1 bỏ đi nơi khác. Quá trình ông L1 bỏ đi, bà ở nhà đã phải thanh toán nghĩa vụ chung của vợ chồng. Đến năm 2018 ông L1 về, gia đình đã khuyên giải đoàn tụ nhưng bà cho rằng ông L1 có quan hệ tình cảm với người khác nên năm 2019 ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó ông L1 đã rút đơn về và chung sống bình thường, ông L1 có nói lên Thái Nguyên thu xếp để về chung sống nhưng sau đó lại làm đơn yêu cầu ly hôn lần thứ hai. Quan điểm của bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Bà Ng thừa nhận vợ chồng có hai con chung như ông L1 trình bày là đúng, các con của ông bà đều đã trưởng thành và bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Bà Ng xác định vợ chồng không có tài sản gì chung.

Về nợ: Bà xác định khi ông L1 bỏ đi bà đã phải trả nợ thay ông số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nếu ông L1 cố tình ly hôn, bà yêu cầu ông L1 phải trả số tiền này. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 11/01/2021 bà Ng trình bày bà có vay nợ ông Nguyễn Văn T, ông Khúc Chí H, ông Khúc Ngọc A mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để chi phí nuôi con ăn H khi ông L1 bỏ đi, bà yêu cầu ông L1 phải có trách nhiệm cùng bà về các khoản nợ này.

Về ruộng nông nghiệp: Bà Ng xác định nếu ông L1 yêu cầu, bà nhất trí trả suất ruộng của ông L1.

Về công sức: Bà Ng yêu cầu ông L1 phải thanh toán trả bà công sức nuôi con từ khi ông L1 bỏ đi năm 2008 cho đến khi các con của ông bà đủ 18 tuổi.

Lời khai của anh Khúc Chí L2 trình bày: Anh mong muốn bố mẹ đoàn tụ, về tài sản anh không có liên qua gì đến bố mẹ anh. Tại phiên tòa ngày 11/01/2021 chị N trình bày chị mong muốn bố mẹ chị đoàn tụ, hiện nay chị đã kết hôn, về tài sản chị không có liên quan gì đến bố mẹ.

Đối với ông Nguyễn Văn T, ông Khúc Chí H, ông Khúc Ngọc A; trong quá trình chuẩn bị xét xử bà Ng không có ý kiến gì, không cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc vay tiền. Tại phiên tòa ngày 11/01/2021 bà Ng mới trình bày việc này, Hội đồng xét xử đã yêu cầu đương sự phải cung cấp chứng cứ chứng minh

cho yêu cầu của mình là có căn cứ pháp luật. Ngày 18/01/2021 chị Khúc Thị N giao nộp 03 giấy vay tiền viết tay. Tòa án đã yêu cầu những người cho vay tiền có ý kiến bằng văn bản về việc này, nhưng cả ba người đều không có ý kiến gì, tại phiên tòa những người này cũng đều vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn bà Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia phiên họp, hòa giải khi Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Khúc Chí L1, cho ông Khúc Chí L1 ly hôn bà Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện V nhận định;

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Khúc Chí L1 yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân. Yêu cầu của ông L1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 11/01/2021 do cần thu thập chứng cứ mới liên quan đến việc bà Ng khai vay tiền, nên Hội đồng xét xử đã phải tạm ngừng phiên tòa là có căn cứ theo Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông Khúc Chí L1 kết hôn với bà Nguyễn Thị Ng năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Do kinh tế khó khăn nên từ năm 2008 ông L1 bỏ đi làm ăn ở trên Thái Nguyên nhưng giấu địa chỉ không cho vợ con biết, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do kinh tế khó khăn dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng ly thân, thỉnh thoảng ông L1 về nhưng chỉ thăm bố mẹ, vợ chồng không đoàn tụ, năm 2019 ông L1 đã làm đơn yêu cầu ly hôn, nhưng sau đó ông rút đơn về đoàn tụ, lo công việc cho con thì vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, nên vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tại phiên tòa ông L1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, và đề nghị Toà án cho ông ly hôn với bà Ng. Hội đồng xét xử xác định ông bà ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận đơn của ông L1, cho ông ly hôn bà Ng là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là chị Khúc Thị N, sinh năm 1996, anh Khúc Chí L2, sinh năm 1999. Hiện nay anh chị đều đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không cần đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung vợ chồng*: Ông L1 bà Ng đều không có yêu cầu gì về tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

[2.4]. *Về nợ*: Bà Ng trình bày nếu ly hôn yêu cầu ông L1 phải thanh toán trả bà 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền bà đã trả nợ thay khi ông L1 bỏ đi, ngoài ra bà có vay nợ của ông Nguyễn Văn T, ông Khúc Chí H, ông Khúc Ngọc An mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để chi phí nuôi con ăn H khi ông L1 bỏ đi, bà Ng yêu cầu ông L1 phải có trách nhiệm cùng bà về các khoản nợ này, xét về yêu cầu của bà Ng, Hội đồng xét xử thấy; Trong quá trình giải quyết bà Ng không xuất trình chứng cứ về yêu cầu này. Đối với việc vay tiền, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử bà không có ý kiến gì, không cung cấp các chứng cứ có liên quan, đến phiên tòa mặc dù bà có yêu cầu nhưng những người cho vay chưa có ý kiến gì, bà chưa cung cấp được các chứng cứ chứng minh rõ việc vay tiền này, ông L1 không đồng ý; nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về việc vay nợ này, nếu sau này người cho vay nợ có yêu cầu, bà Ng yêu cầu giải quyết số tiền đã thanh toán thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật

[2.5]. *Về ruộng nông nghiệp:* Căn cứ vào biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã L thì ông L1 và bà Ng mỗi người được một suất ruộng ở hai xứ đồng là xứ đồng Cầu Đá 326 m2, xứ đồng Cánh Nhôi 1018 m2 đều ở thôn XĐ, xã L, huyện V. Tại phiên tòa ông L1 tự nguyện không có yêu cầu gì, nên không đặt ra giải quyết.

[2.6]. *Về công sức*: Bà Ng yêu cầu công sức nuôi con từ năm 2008 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nhưng cũng chưa cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này, nếu sau này có căn cứ bà có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2.7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Khúc Chí L1, cho ông Khúc Chí L1 ly hôn bà Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí, Ông Khúc Chí L1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ với 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 417, ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, ông L1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Văn M